TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/2024/QĐST- KDTM	*Bình Chánh, ngày 16 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009 và khoản 5 Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST - KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH G

Trụ sở: Tầng 5, 65 Phạm N, phường Võ T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Dạ T, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 02/2023/GETZ/UQ ngày 08/8/2023).

- Bị đơn: Công ty TNHH C

Trụ sở: 2B62 Trần V, ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Quốc A, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 27/6/2024).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Bà Phan Thị Dạ T là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH G và ông Phạm Quốc A là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH C thống nhất thỏa thuận như sau:

Công ty TNHH C còn nợ Công ty TNHH G số tiền 321.850.000 đồng (*Ba trăm hai mươi mốt triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 07.0322 GB-Cp ngày 01/3/2022 và Hợp đồng kinh tế số 08.0422 GB-Cp ngày 01/4/2022.

2.2/ *Về thời hạn thanh toán*: Công ty TNHH C có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH G số tiền: 321.850.000 đồng (*Ba trăm hai mươi mốt triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) theo phương thức và thời gian như sau:

Trả trong thời hạn 06 tháng, thi hành vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 7/2024, hạn chót là ngày 20/12/2024, cụ thể:

Ngày 20/7/2024 trả 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*);

Ngày 20/8/2024 trả 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*);

Ngày 20/9/2024 trả 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*);

Ngày 20/10/2024 trả 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*);

Ngày 20/11/2024 trả 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*);

Ngày 20/12/2024 trả 46.850.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*);

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

3. *Về án phí*: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 8.046.250 đồng (*Tám triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng*), Công ty TNHH C tự nguyện chịu.

Công ty TNHH G không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.046.250 đồng (*Tám triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033921 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6a, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Chị cục THADS huyện B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Trang